TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 27/2025/QĐST-VHNGĐ	*Thủ Dầu Một, ngày 17 tháng 01 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG.

Căn cứ vào các Điều 149, 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 54, 55, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 01/2025/TLST-VHNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2025 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con", giữa người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình:

- Bà Võ Thị G, sinh năm 1979.

- Ông Hồ Văn N, sinh năm 1955.

Cùng thường trú tại: Số A L, đường L, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; tạm trú tại: Số D, đường Đ, khu phố A, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 09/01/2025, bà Võ Thị G và ông Hồ Văn N đều thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà G và ông N yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Xét thấy, việc thật sự tự nguyện ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Tòa án công nhận.

[2] Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng có 03 (ba) con chung là cháu Hồ V, sinh ngày 19/02/2003, cháu Hồ Nhã Q, sinh ngày 23/3/2011 và cháu Hồ

Chúc L sinh ngày 30/3/2013. Đối với cháu V đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn, bà G và ông N thỏa thuận giao cháu Q và cháu L cho bà Võ Thị G trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu Q và cháu L đủ 18 tuổi.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà G và ông N sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không có tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí: Bà Võ Thị G và ông Hồ Văn N mỗi người tự nguyện chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng), được trừ hết vào số tiền tạm ứng án lệ phí theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0008874 ngày 30/12/2024 do ông N nộp và nộp thay cho bà G của Chi cục Thi hành án Dân sự Thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

[1.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị G và ông Hồ Văn N thuận tình ly hôn.

[1.2] Về con chung: Giao 02 (hai) con chung là cháu Hồ Nhã Q, sinh ngày 23/3/2011 và cháu Hồ Chúc L sinh ngày 30/3/2013 cho bà Võ Thị G trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu Q và cháu L đủ 18 tuổi.

[1.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Võ Thị G và ông Hồ Văn N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Vì quyền lợi hợp pháp của con, Toà án có thể thay đổi người nuôi con, giải quyết việc cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

[1.4] Về tài sản chung, nợ chung: Không có tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Bà Võ Thị G và ông Hồ Văn N mỗi người tự nguyện chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng), được trừ hết vào số tiền tạm ứng án lệ phí theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0008874 ngày 30/12/2024 do ông N nộp và nộp thay cho bà G của Chi cục Thi hành án Dân sự Thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Dầu Một;
- UBND phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh (GCNKH số 110 ngày 12/12/2016).
- Người yêu cầu;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

THẨM PHÁN

Trần Huỳnh Minh Trí